

Số: /BC-SYT
V/v tình hình thực hiện kế
hoạch phát triển KT-XH 06
tháng đầu năm, nhiệm vụ và
giải pháp 6 tháng cuối năm
2025 của ngành Y tế phục vụ
làm việc với đồng chí
Tổng Bí thư

Quảng Ngãi, ngày tháng 5 năm 2025

Kính gửi: Sở Tài chính.

Thực hiện Công văn số 2862-CV/TU ngày 28/5/2025 của Thường trực Tỉnh ủy về báo cáo các nội dung phục vụ làm việc với đồng chí Tổng Bí thư; Công văn số 3175/UBND-KTTH ngày 28/5/2025 của UBND tỉnh về việc báo cáo các nội dung phục vụ làm việc với đồng chí Tổng Bí thư; Sở Y tế báo cáo tình hình hoạt động của ngành như sau:

I. Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2025.

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch được UBND tỉnh giao theo Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 12/12/2024.

Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2025, đảm bảo thực hiện các chỉ tiêu y tế theo lộ trình, kế hoạch UBND tỉnh giao.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Năm 2025		So sánh (%)	
			Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước TH 6 tháng 2025/ TH 6 tháng 2024	Ước TH 6 tháng 2025/KH 2025
CHỈ TIÊU Y TẾ						
Tổng số giường bệnh	Giường	3.940	3.960	3.960	101	100
Trong đó:	"	2.330	2.430	2.430	101	100
- Tuyển tỉnh	"	1.610	1.530	1.530	101	100
- Tuyển huyện	"	31,80	32,00	32,00	101	100
Số giường bệnh/vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	"	30,5	30,70	30,5	101	100
- Số giường bệnh quốc lập/vạn dân	Giường	1,30	1,30	1,30	100	100
- Số giường bệnh tư/vạn dân	Giường	8,1	9,24	9,24	101	100
Số bác sĩ/1 vạn dân	Người	173	170	170	101	100
Số xã, phường, thị trấn có trạm y tế	Xã, Ph	100	100	100	100	100
Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có trạm y tế	%	173	170	170	101	100
Số trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ hoạt động	trạm					

Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ hoạt động	%	100	100	100	100	100
Số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế	Xã, Ph	159	162	160	103	103
Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế	%	91,91	90,17	91,91	103	102
Tỷ lệ trẻ em tử vong dưới 5 tuổi	‰	10	9,5	9,5	101	100
Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	%	11,5	10	10	101	100
Tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế đạt tiêu chuẩn	%	95	100	100	101	100
Tỷ lệ người tham gia đóng bảo hiểm y tế toàn dân	%	95,20	95,25	95,25	101	100
CÔNG TÁC DÂN SỐ						
Dân số trung bình	Người	1.250.100	1.252.090	1.252.090	101	100
Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	‰	8,4	8,4	Đánh giá cuối năm	-	-
Tỷ lệ giảm sinh	‰	0,0	0,0	Đánh giá cuối năm	-	-
Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai/100 bé gái)	%	108,86	110,6	112	97	99
Tuổi thọ trung bình	Tuổi	74,5	74,6	Đánh giá cuối năm	-	-

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh; Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh

Sở Y tế chủ trì, phối hợp tham mưu UBND tỉnh ban hành nhiệm vụ trọng tâm liên quan đến lĩnh vực y tế trong 5 tháng đầu năm 2025, cụ thể:

- Kế hoạch Phòng chống HIV/AIDS 2025 (Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 11/01/2025).

- Kế hoạch đảm bảo An toàn vệ sinh thực phẩm năm 2025 (Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 20/3/2025).

- Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 07/3/2025).

II. Kết quả công tác y tế 6 tháng đầu năm 2025 (đến tháng 5/2025)

1. Các hoạt động chuyên môn, cung ứng dịch vụ y tế

- Công tác phòng, chống dịch bệnh: Số ca Sốt xuất huyết Dengue ghi nhận: 287 ca; giảm 8,3% so với cùng kỳ năm 2024 (313 ca). Không ghi nhận trường hợp tử vong. Tổng số ổ dịch nhỏ trong tháng: ghi nhận 01 ổ dịch mới, cộng dồn: 12 ổ dịch nhỏ.

- Bệnh Chân - Tay - Miệng: Ghi nhận 284 ca; tăng 21% so với cùng kỳ năm 2024 (234 ca). Không có trường hợp tử vong.

- Các bệnh truyền nhiễm khác: Sởi ghi nhận: 375 ca Sởi, tăng 125 lần so với cùng kỳ năm 2024 (03 ca). Số ca sởi chưa được tiêm chủng và chưa tiêm chủng đầy đủ chiếm gần 91%. Các bệnh khác chưa có dấu hiệu bất thường.

2. Tiêm chủng mở rộng

TT	Nội dung	Tổng số	Thực hiện	Tỷ lệ %
1	Số trẻ dưới 1 tháng tuổi được tiêm vắc xin BCG (bao gồm đối tượng vắng lai, trên 1 tháng tuổi, người địa phương ở ngoài tỉnh)	15.763	5.905	37,5
2	Số trẻ được tiêm viêm gan B sơ sinh ≤ 24 giờ	15.763	4780	30,3
3	Số trẻ được tiêm viêm gan B sơ sinh >24 giờ	15.763	920	5,8
4	Số trẻ dưới 1 tuổi được tiêm vắc xin DPT-VGB-Hib mũi 3	15.763	7.705	48,9
5	Số trẻ được uống vắc xin bại liệt (bOPV) lần 3	15.763	7.420	47,1
6	Số trẻ được tiêm vắc xin bại liệt (IPV)	15.763	6.370	40,4
7	Số trẻ được tiêm sởi	15.763	6.590	41,8
8	Tiêm chủng đầy đủ	15.763	6.635	42,1
9	Tiêm chủng uốn ván cho PNCT	15763	6.255	39,7
10	Số trẻ sinh ra được bảo vệ phòng UVSS	15.763	5.990	38,0
11	Tiêm VNNB cho trẻ mũi 1+2	15.379	8.135	52,9
12	Tiêm VNNB cho trẻ mũi 3	14.997	7.120	47,5
13	Vắc xin DPT	15.513	8.005	51,6
14	Vắc xin sởi, rubella trẻ đủ 18 tháng	15.513	7.215	46,5

3. Phòng, chống HIV/AIDS

TT	Nội dung báo cáo	2025	
		Cộng dồn trong năm	Lũy tích
1	Số người nhiễm HIV	22	1.334
2	Số người chuyển AIDS	12	1.094
3	Số người nhiễm HIV/AIDS tử vong	03	391
4	Số người nhiễm HIV/AIDS hiện còn sống	943	
	Trong đó: + <i>Đang điều trị tại tỉnh</i>	694	
	+ <i>Chưa đến điều trị</i>	138	
	+ <i>Mất dấu</i>	111	

- Chương trình điều trị thay thế nghiện chất dạng thuốc phiện bằng Methadone: được triển khai và duy trì, hiện có 54 bệnh nhân đang điều trị.

4. Công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản

TT	Nội dung	2025
----	----------	------

1	Tổng số lượt khám thai toàn tỉnh	25.433
2	Số lần khám thai	6,6 lần
3	Tổng số phụ nữ đẻ	815
4	Số PN đẻ được quản lý thai	95
5	Số phụ nữ đẻ được khám thai ≥ 4 lần trong 3 kỳ	94,1%
6	Số phụ nữ đẻ được CBYT có kỹ năng đỡ	97,5%
7	Số phụ nữ đẻ/trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh tại nhà	80,4%

5. Phòng chống bệnh Không lây nhiễm và dinh dưỡng

a) Bệnh không lây nhiễm

TT	Bệnh	Phát hiện	Được quản lý điều trị tại đơn vị				Ghi chú
		Tổng số hiện mắc	Tổng số BN đang quản lý	Khám cấp phát thuốc vừa qua	Điều trị đạt hiệu quả	Chết	
1	Tăng huyết áp	77.506	33.554	14.121	7.803	115	
2	Đái tháo đường	18.254	9421	8.753	4.332	27	
3	Bệnh phổi TNMT - HPQ	5.938	1168	882	469	17	
4	Ung Thư	2.780	77	77	0	52	

Tỷ lệ quản lý điều trị: THA (43,3 %); ĐTD (51,6%).

b) Dinh dưỡng

Đẩy mạnh hoạt động dinh dưỡng cộng đồng: Số trẻ < 5 tuổi bị SDD (các thể) đã được CTVDD/YTTB, cán bộ tư vấn dinh dưỡng tại nhà hoặc tại cơ sở y tế.

6. Quản lý môi trường y tế

- Tập trung thực hiện Công tác Sức khỏe môi trường - Y tế trường học 2025, khám sức khỏe bệnh nghề nghiệp 2025

- Kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCĐP 01:2023/QNg).

7. Dân số và phát triển

- Tổng số người mới thực hiện các biện pháp tránh thai đến tháng 5 năm 2025 là: 53.802/54.934 người đạt 97,94% (tăng 7,34% so với cùng kỳ năm 2024).

- Tỷ số giới tính khi sinh 112/100, con thứ 3 trở lên chiếm tỷ lệ 15,5%.

- Có 211.537/217.076 người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế (đạt 97,49%); Có 11/13 TTYT hướng dẫn Trạm Y tế tổ chức khám sức khỏe định kỳ, lập hồ sơ

theo dõi sức khỏe cho 14.818 người cao tuổi; 871 người cao tuổi được chăm sóc y tế tại nhà.

8. An toàn thực phẩm

* Tuyên tỉnh:

Thực hiện kiểm tra liên ngành ATTP “Tháng hành động vì ATTP” năm 2025. Kiểm tra đối các cơ sở sản xuất; kinh doanh thực phẩm; cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.

* Ngộ độc thực phẩm: Không xảy ra ngộ độc thực phẩm.

9. Bảo đảm máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học

Triển khai tổ chức vận động hiến máu tình nguyện, thu gom được 6.671 đơn vị.

III. Công tác khám, chữa bệnh

- Chất lượng khám, chữa bệnh từng bước được nâng cao, rút ngắn thời gian chờ đợi, tạo thuận lợi cho bệnh nhân trong việc khám chữa bệnh. Quản lý, sử dụng thuốc đúng quy chế, đảm bảo an toàn, hợp lý. Tiếp tục thực hiện ứng dụng CNTT trong quản lý khám, chữa bệnh và thanh toán BHYT theo yêu cầu của Bộ Y tế và BHXH Việt Nam.

- Kết quả đã khám, điều trị: 1.095.883 lượt bệnh nhân; (*tuyên tỉnh: 322.049; tuyến huyện: 367.563; tuyến xã: 316.151 ; BV tư nhân 90.120*); trung bình 7.498 lượt/ngày.

- Số lượt bệnh nhân nội trú: 82.567. Công suất sử dụng giường bệnh toàn tỉnh: 91,6% (*Tuyên tỉnh: 99,2%; Tuyến huyện: 75,8%, Y tế tư nhân 133,1%*).

Đánh giá: So với cùng kỳ số lượt khám chữa bệnh bình quân tăng 3,1%; công suất sử dụng giường bệnh bình quân tăng 2,7%). Công suất sử dụng giường bệnh tăng 1,6%.

- Thực hiện tốt công tác phân tuyến kỹ thuật tại các tuyến. Triển khai các kỹ thuật mới, kỹ thuật cao trong khám và điều trị.

- Công tác Y dược cổ truyền: Trong tháng khám, điều trị cho 105.182 lượt. Hoạt động khám, chữa bệnh YHCT kết hợp chặt chẽ với khám, chữa bệnh bằng y học hiện đại.

IV. Phân tích tồn tại, nguyên nhân, những vấn đề còn tồn tại cần ưu tiên giải quyết

1. Hạn chế, khuyết điểm

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình hoạt động của ngành Y tế trong 6 tháng đầu năm 2025 gặp nhiều khó khăn, hạn chế:

- Việc kinh phí triển khai thực hiện một số các nhiệm vụ thuộc hoạt động Y tế - Dân số chưa có quy định cụ thể của TW, nên địa phương không có cơ sở bố trí kinh phí, đã ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ, chất lượng dịch vụ y tế, bao gồm các chỉ tiêu y tế liên quan chưa đạt theo kế hoạch đề ra.

- Chất lượng khám chữa bệnh từng bước được nâng lên, tuy nhiên, vẫn chưa đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của người dân; tỷ lệ chuyển tuyến và tự đi khám ở tuyến trên ngoài địa phương vẫn còn nhiều.

- Nguồn nhân lực là Bác sĩ, Bác sĩ có trình độ chuyên môn cao, sau đại học tập trung phần lớn tại BVĐK tỉnh, Bệnh viện Sản Nhi; tại tuyến y tế cơ sở (huyện, xã) thiếu về số lượng Bác sĩ nói chung và các Bác sĩ thuộc các chuyên khoa lẻ (Mắt, TMH, RHM...), năng lực chuyên môn còn hạn chế, đặc biệt là lĩnh vực Ngoại, Sản (hầu hết các Trung tâm Y tế chưa thực hiện được đầy đủ các kỹ thuật theo phân tuyến).

Việc thu hút, tuyển dụng nhân lực đặc biệt là Bác sĩ (Bác sĩ đa khoa, Bác sĩ RHM, Bác sĩ TMH...) chưa đáp ứng được nhu cầu, đặc biệt là tuyển dụng cho các đơn vị tuyến cơ sở.

- Điều kiện chăm sóc y tế cho người nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số và đời sống, vật chất, điều kiện làm việc của y, bác sĩ, người lao động trong ngành y còn nhiều khó khăn.

- Công tác quy hoạch, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý đã được quan tâm, tích cực triển khai; tuy nhiên vẫn còn khó khăn trong tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ nữ; cơ cấu cán bộ lãnh đạo, quản lý tại một số đơn vị chưa đảm bảo được tính kế thừa. Tình trạng nghỉ việc của viên chức y tế, đặc biệt là nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao.

- Mặc dù, ngành Y tế đã nỗ lực chuyển đổi số y tế, góp phần nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ y tế; tuy nhiên, ngành Y tế chuyển đổi số vẫn còn gặp nhiều khó khăn, trang thiết bị còn lạc hậu, chưa được đầu tư đồng bộ, và đặc biệt kinh phí chuyển đổi số phụ thuộc vào nguồn thu của đơn vị, chi phí ứng dụng CNTT chưa được tính vào cơ cấu giá dịch vụ nên các đơn vị không có nguồn kinh phí để triển khai, đặc biệt đối với các đơn vị khó khăn. Hạ tầng trang thiết bị CNTT tại các đơn vị chưa được đồng bộ, còn lạc hậu, ảnh hưởng đến công việc và không đáp ứng được nhu cầu thực tế; nhân lực CNTT tại các đơn vị còn thiếu, chưa đáp ứng với tốc độ phát triển CNTT, chuyển đổi số hiện nay, chưa có chế độ hỗ trợ, thu hút, giữ chân cán bộ CNTT, một số đơn vị còn kiêm nhiệm.

Việc triển khai Hồ sơ sức khỏe điện tử, Sở Y tế đã phối hợp Trung tâm Thông tin Y tế Quốc gia, Bộ Y tế tổ chức tập huấn triển khai Nền tảng HSSK điện tử. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể, lộ trình kết nối, triển khai của Bộ Y tế, ảnh hưởng lớn đến tiến độ, kết quả triển khai duy trì trong năm.

- Cơ sở hạ tầng của nhiều đơn vị khám, chữa bệnh xuống cấp, trang thiết bị y tế còn thiếu, chưa đồng bộ. Trang thiết bị văn phòng thiếu, hư hỏng nhiều (nhất là máy vi tính) chưa có kinh phí để mua sắm, sửa chữa. Nhiều cơ sở khám chữa bệnh chưa có kinh phí nên mau hư hỏng, xuống cấp.

2. Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm

a. Nguyên nhân khách quan

- Khối lượng công việc, nhiệm vụ phải hoàn thành rất nhiều, ngoài nhiệm vụ thường xuyên thì trong 6 tháng đầu năm 2025 tập trung giải quyết những vấn đề tồn đọng, những nhiệm vụ chưa giải quyết.

- Vướng mắc trong thanh, quyết toán chi phí khám chữa bệnh BHYT chưa được giải quyết kịp thời.

- Ngành y tế là ngành đặc thù, lãnh đạo các khoa, phòng phải có trình độ chuyên môn chuyên sâu, cần được bố trí theo đúng chuyên khoa. Đội ngũ cán bộ, lãnh đạo quản lý kế cận hiện nay chưa đảm bảo.

- Một số vị trí công tác thuộc diện chuyển đổi vị trí công tác nhưng không có vị trí khác phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị như một số vị trí liên quan đến công tác: tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công,...

b. Nguyên nhân chủ quan

Hệ thống các cơ sở khám, chữa bệnh công lập tuyến tỉnh cung ứng dịch vụ y tế vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của người dân; hệ thống bệnh viện ngoài công lập chưa phát triển mạnh, dẫn đến không có sự cạnh tranh (lành mạnh) giữa các bệnh viện công lập và ngoài công lập, tạo tư tưởng “ỷ lại” nên chậm đổi mới để phát triển; tình trạng bác sĩ thôi việc ở bệnh viện công chuyển sang cơ sở y tế tư nhân khá nhiều. Một bộ phận cán bộ y tế vẫn chưa thật sự đem hết tâm huyết phục vụ người bệnh tại cơ sở y tế công lập.

V. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2025

1. Cung ứng dịch vụ y tế

- Cùng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới y tế dự phòng và y tế cơ sở, chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để dịch lớn xảy ra.

- Tăng cường đầu tư cơ sở về vật chất, trang thiết bị, đào tạo cán bộ tại tất cả các tuyến y tế. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại các bệnh viện trong tỉnh; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế chuyên môn, tinh thần thái độ phục vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

- Kiểm soát tỷ lệ tăng dân số và tỷ số giới tính khi sinh ở mức hợp lý.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế-Dân số; các đề án, kế hoạch, chương trình hành động thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh phê duyệt, ban hành.

2. Về hệ thống tổ chức bộ máy

- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy cán bộ từ tuyến tỉnh đến cơ sở.

- Tích cực tham mưu UBND tỉnh hoàn thiện Đề án sắp xếp, tổ chức lại cơ sở y tế theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp tỉnh Quảng Ngãi năm 2025; Đề án thành lập Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở hợp nhất Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi và Sở Y tế tỉnh Kon Tum.

3. Công tác Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và khoa học công nghệ

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án phát triển nguồn nhân lực y tế tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; theo lộ trình, chỉ tiêu đề ra.

- Phân bổ nhân lực chuyên môn hợp lý tại tất cả các tuyến, đảm bảo khai thác và sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị đã được cung cấp.

- Triển khai thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học thiết thực, có tính ứng dụng cao.

4. Công tác Dược, trang thiết bị và cơ sở hạ tầng

- Hoàn thành công tác đấu thầu mua thuốc, vật tư y tế, hoá chất, hoá chất xét nghiệm 2024 – 2025 của toàn ngành Y tế.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra công tác dược, quản lý, sử dụng trang thiết bị có hiệu quả.

- Tiếp tục phối hợp thực hiện dự án Đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị y tế của ngành Y tế.

5. Hệ thống thông tin y tế

Tiếp tục triển khai các hệ thống thông tin y tế, từng bước được hình thành, mở rộng, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực: công tác chỉ đạo, điều hành (hệ thống quản lý văn bản điện tử và theo dõi nhiệm vụ, hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, các phần mềm chuyên ngành, báo cáo,...); công tác khám, chữa bệnh (phần mềm Quản lý bệnh viện HIS, tích hợp các phân hệ quản lý chuyên ngành,...); lĩnh vực y tế dự phòng (hệ thống quản lý tiêm chủng, bệnh truyền nhiễm, sổ sức khỏe điện tử,...).

6. Tài chính y tế và đầu tư

- Triển khai giao quyền tự chủ tài chính theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ giai đoạn năm 2023-2025 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ nguồn hỗ trợ từ Trung ương, từ các chính phủ, tổ chức phi chính phủ, cá nhân trong và ngoài nước (đề án hợp tác Hàn Quốc, Cu Ba).

- Thực hiện chính sách phí, viện phí đúng theo quy định, tạo nguồn thu bổ sung đầu tư cho các cơ sở y tế. Tiếp tục đề nghị thực hiện các biện pháp mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân.

7. Quản lý nhà nước và điều hành ngành Y tế; thanh tra, kiểm tra và hợp tác quốc tế

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước lĩnh vực y tế; tham mưu triển khai kịp thời, hiệu quả văn bản QPPL, văn bản chỉ đạo liên quan đến lĩnh vực y tế; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển y tế, tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn triển khai các chính sách đối với y tế. Tổ chức bộ máy ngày càng tinh gọn, hoạt động có hiệu quả, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức ngày càng được nâng cao đáp ứng được với yêu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân. Tăng cường công tác đầu tư y tế, đặc biệt tuyến y tế cơ sở; tăng cường hợp tác, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý trong tất cả các hoạt động thuộc lĩnh vực hoạt động, quản lý.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; nghiêm khắc xử lý các trường hợp vi phạm và kịp thời khen thưởng, động viên các cá nhân, tập thể có thành tích tốt trong hoạt động khám, chữa bệnh và thực hiện y đức.

8. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá

Tiếp tục triển khai Đề án về Xã hội hoá y tế; kêu gọi và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa, chuyên khoa ngoài

công lập trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích các cơ sở y tế công lập liên kết với các cá nhân, doanh nghiệp để đầu tư các trang thiết bị y tế tiên tiến, hiện đại, phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh, phòng bệnh cho nhân dân.

9. Cải cách hành chính, chuyển đổi số - y tế thông minh

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả nhiệm vụ cải cách hành chính, chuyển đổi số ngành Y tế.

- Tiếp tục triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06) liên quan đến lĩnh vực y tế. Tiếp tục phối hợp với UNDP và BHYT, triển khai hiệu quả hoạt động tư vấn khám, chữa bệnh từ xa tuyến y tế cơ sở sử dụng phần mềm "Bác sĩ cho mọi nhà" tại tỉnh Quảng Ngãi.

- Tiếp tục triển khai Đề án Thiết lập Hồ sơ sức khỏe điện tử đến từng người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

10. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền giáo dục sức khỏe

- Kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống truyền thông giáo dục sức khỏe từ tỉnh đến cơ sở, đầu tư trang bị các phương tiện cần thiết để hoạt động đạt hiệu quả.

- Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức phù hợp với từng địa phương, từng thời điểm, từng nội dung, từng chương trình, để tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, vai trò, trách nhiệm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc đoàn thể, cộng đồng trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

Trên đây là báo cáo tình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ và giải pháp 6 tháng cuối năm 2025 của ngành Y tế phục vụ làm việc với đồng chí Tổng Bí thư./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/cáo);
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Các Phòng CN Sở Y tế;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Đức